

MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN TRONG TRUYỆN NGẮN NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ NHÌN TỪ PHÊ BÌNH SINH THÁI

Phạm Khánh Duy

Trường Đại học Cần Thơ

Email: duygiangviennguvan@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/03/2022; Ngày nhận đăng: 19/10/2022

Tóm tắt

Phê bình sinh thái là một phong trào nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và môi trường tự nhiên, không chỉ tập trung vào khám phá thẩm mỹ sinh thái mà còn làm rõ biểu hiện nghệ thuật của nó trong tác phẩm văn học. Thông qua đó nhìn nhận lại văn hóa ứng xử của con người trước môi trường sinh thái. Lý thuyết phê bình sinh thái đối lập hoàn toàn với phê bình truyền thống, nghĩa là lấy Trái Đất làm trung tâm luận chứ con người không phải trung tâm luận. Ứng dụng lý thuyết phê bình sinh thái để nghiên cứu truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà ở phương diện nội dung và nghệ thuật là cách tiếp cận mới mẻ, từ đây nhận ra được mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và thái độ của nhà văn trước vấn đề sinh thái.

Từ khóa: *Phê bình sinh thái, truyện ngắn, Nguyễn Thị Việt Hà, môi trường nông thôn*

Rural environment in Nguyen Thi Viet Ha short stories from eco-criticism

Pham Khanh Duy

Can Tho University

Received: March 15, 2022; Accepted: October 19, 2022

Abstract

Eco-criticism is a trend to study the relationship between literature and the natural environment, not only focussing on exploring the eco-aesthetics, but clarifying its artist expressions in literature works; through which, rethinking the culture of human behavior towards the ecological environment. The theory of eco-criticism is in sharp contrast to traditional criticism: Earth, not human centralism. Applying eco-criticism theory to study Nguyen Thi Viet Ha's short stories is a new and unique approach, thereby realizing the relationship between humans and nature as well as the writer's attitude towards the issue of ecology.

Keywords: *Ecological criticism, short story, Nguyen Thi Viet Ha, rural environment*

1. Đặt vấn đề

Xã hội ngày càng phát triển, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa diễn ra và đem lại những thành tựu to lớn cho đất nước. Mặc dù nhà nước đã quan tâm sâu sắc đến vấn đề phát triển kinh tế kết hợp

với việc bảo vệ môi trường, song quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ít nhiều khiến môi trường tự nhiên ô nhiễm nặng nề, gây tác động xấu đến sản xuất và đời sống. Tương tự như các ngành khoa học khác, lĩnh vực khoa học xã hội nhân văn mà tiêu

biểu là văn chương cũng “vào cuộc” khẳng định vai trò quan trọng của môi trường sinh thái, đặt ra vấn đề lấy Trái Đất là trung tâm chứ không phải con người là trung tâm như trước đó nhân loại từng quan niệm. Trong lĩnh vực phê bình văn học, lý thuyết phê bình sinh thái đã ra đời tập trung nghiên cứu mối quan hệ giữa văn chương và môi trường tự nhiên, khai thác những vấn đề sinh thái được đề cập đến trong tác phẩm văn học.

Những năm gần đây, văn học đồng bằng sông Cửu Long phát triển rực rỡ với nhiều cây bút xuất hiện nhanh chóng khẳng định được tên tuổi trên văn đàn, bên cạnh những cái tên như Nguyễn Ngọc Tư, Võ Diệu Thanh, Lê Minh Nhật, Lê Quang Trọng, Vũ Thiên Kiều, Bích Ngân,... nổi lên tên tuổi của Nguyễn Thị Việt Hà. Sáng tác của Nguyễn Thị Việt Hà thường xoay quanh nông thôn và con người ở vùng Tây Nam Bộ, thông qua đó gọi lên hồn đất, hồn người, những nét văn hóa, phong tục tập quán đặc trưng của mảnh đất cực Nam của Tổ quốc.

Trong bài viết này, chúng tôi phát hiện yếu tố sinh thái trong một số truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà, từ đó ứng dụng lý thuyết phê bình sinh thái để nghiên cứu vấn đề môi trường thiên nhiên trong sáng tác của nhà văn. Tiếp cận truyện ngắn Nguyễn Thị Việt Hà dưới góc nhìn phê bình sinh thái là hướng tiếp cận mới mẻ, hiệu quả, góp phần khẳng định giá trị văn học, giá trị thực tiễn một số truyện ngắn tiêu biểu và đánh giá khách quan tài năng văn chương của Nguyễn Thị Việt Hà.

2. Nội dung

2.1. Khái quát lý thuyết phê bình sinh thái

Lý thuyết phê bình sinh thái ra đời vào những năm 70 của thế kỉ XX trong bối cảnh toàn cầu hóa, môi trường ngày càng bị

xâm hại nghiêm trọng và kéo theo đó là những hệ lụy như biến đổi khí hậu, nguồn nước cạn kiệt, môi trường bị ô nhiễm, thiên tai xảy ra,... Phê bình sinh thái (*Ecocriticism*) còn được gọi bằng những thuật ngữ khác như: Nghiên cứu văn học và môi trường (*Studies of literature and environment*), Sinh thái học văn học (*Literary ecology*), Phê bình xanh (*Green studies*),... Năm 1978, William Rueckert đã sử dụng thuật ngữ phê bình sinh thái (*Ecocriticism*), thuật ngữ này nhanh chóng lan rộng ra các nước trên thế giới và được sử dụng phổ biến nhất trong nghiên cứu mối quan hệ giữa văn chương với môi trường.

Có nhiều cách lí giải khác nhau về khái niệm phê bình sinh thái. Trong *Những giá trị của văn học* (*The values of literature*), James S. Han cho rằng: “Phê bình sinh thái là nghiên cứu văn học (và các ngành nghệ thuật khác) từ bối cảnh xã hội và địa cầu. Văn học không phải là một lĩnh vực tồn tại riêng và cách biệt với thế giới bên ngoài. Vì vậy, nếu chúng ta nghiên cứu văn học giới hạn trong bản thân nó thì sẽ làm cản trở mối liên hệ rất quan trọng của văn học với các hệ thống khác, mà chính những mối liên hệ đó đã kết hợp sự biểu đạt quan niệm giá trị của chúng ta” (Hans, 1990, tr.5). Mặc dù phát biểu của James S. Han đã xác định rõ sự liên kết giữa môi trường sinh thái với con người, song James S. Han chưa đưa ra phương pháp cụ thể của phê bình sinh thái, chưa làm rõ sự khác biệt giữa phê bình sinh thái với phê bình truyền thống.

Ở Trung Quốc, Vương Nặc là một trong những nhà nghiên cứu tiên phong trong việc đưa lý thuyết phê bình sinh thái vào bối cảnh nghiên cứu văn chương của đất nước. Vương Nặc đưa ra nhận định rằng: “Phê bình sinh thái là phê bình văn

học nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và tự nhiên từ định hướng tư tưởng của chủ nghĩa sinh thái, đặc biệt là chủ nghĩa chính thể sinh thái. Nó phơi bày nguồn gốc văn hóa tư tưởng của nguy cơ sinh thái được phản ánh trong tác phẩm văn học, đồng thời khám phá thẩm mỹ sinh thái và biểu hiện nghệ thuật của nó trong tác phẩm” (Vương Nặc, 2010, tr.69). Cách giải thích thuật ngữ phê bình sinh thái của Vương Nặc đi vào khám phá thẩm mỹ sinh thái và những biểu hiện nghệ thuật của sinh thái trong tác phẩm văn chương. Đồng thời, nếu tinh thần chung của phê bình sinh thái là lấy Trái Đất làm trung tâm thì định nghĩa của Vương Nặc đã xác định rõ tác phẩm văn học chính là đối tượng để triển khai theo lý thuyết phê bình sinh thái.

Các nhà nghiên cứu ở Việt Nam cũng hứng thú với phê bình sinh thái. Trên nền tảng của khái niệm mà các học giả nổi tiếng trên thế giới đã đưa ra, những nhà nghiên cứu văn chương tại Việt Nam cũng tìm cách giải thích phê bình sinh thái sao cho dễ hiểu, bám sát vào tinh thần của lý thuyết này. Bùi Thanh Truyền cho rằng: “Phê bình sinh thái là phê bình văn học nghiên cứu mối quan hệ giữa văn học và tự nhiên từ định hướng tư tưởng của chủ nghĩa sinh thái, đặc biệt là chủ nghĩa chính thể sinh thái thông qua việc khám phá thẩm mỹ sinh thái và biểu hiện nghệ thuật của nó trong tác phẩm” (Bùi Thanh Truyền, 2018, tr.65). Thật ra cách giải thích này là sự đúc kết ngắn gọn phát biểu của Vương Nặc, đề cao tính tự nhiên, tính chính thể và tính thẩm mỹ. Kết quả nghiên cứu của Trần Thị Ánh Nguyệt và Lê Lưu Oanh cho rằng: “Chính thái độ ngạo mạn của con người đối với tự nhiên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái. Phê bình sinh thái đã làm thay đổi một cách cơ bản cách nhìn nhận, tiếp cận đối tượng, tất cả các phong

trào nghiên cứu văn học từ trước đến nay đều lấy con người làm trung tâm, còn phê bình sinh thái lấy sinh thái làm trung tâm” (Trần Thị Nguyệt Ánh & Lê Lưu Oanh, 2016, tr.254-255). Tác giả này đặt phê bình sinh thái trong thế đối sánh với phê bình truyền thống, từ đó chỉ ra cái cốt lõi nhất của phê bình sinh thái: lấy Trái Đất và môi trường là trung tâm. Định nghĩa này đã đặt ra vấn đề văn hóa ứng xử của con người đối với môi trường sống.

Từ những nhận định trên, có thể thấy con người ngày càng có xu hướng khai thác kiệt quệ tự nhiên, tàn phá thiên nhiên, gây ảnh hưởng xấu đến Trái Đất. Đã đến lúc con người phải nhìn nhận lại văn minh ứng xử của mình đối với môi trường sống, thay đổi tích cực để cứu lấy Trái Đất. Văn chương không ngoảnh mặt làm ngơ mà nhanh chóng bước ra khỏi lãnh địa của nghệ thuật, đặt ra những vấn đề sinh thái mang ý nghĩa thiết thực góp phần cứu lấy thế giới.

2.2. Môi trường nông thôn trong một số truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà - nhìn từ phương diện nội dung

2.2.1. Môi trường nông thôn bị tàn phá dẫn đến biến dạng

Xưa nay, mỗi khi nhắc đến Tây Nam Bộ người ta thường tưởng đến cảnh sông nước hữu tình, những dòng sông mênh mang, những cánh đồng phù sa màu mỡ, những vườn trái cây sum sê. Ngày nay, trong quá trình đô thị hóa nông thôn con người đã vô tình lấy đi cảnh sắc thiên nhiên quen thuộc và những giá trị văn hóa truyền thống của miền Tây Nam Bộ. Đô thị hóa, công nghiệp hóa luôn tồn tại hai mặt, mặc dù nó đem lại hiệu quả to lớn nhưng cũng kéo theo những hệ lụy gia tăng như ô nhiễm môi trường, đất nông nghiệp màu mỡ bị sử dụng phí phạm, thay đổi cảnh sắc đặc trưng của vùng miền khiến con người

có cảm giác choáng váng, khó thích nghi được. Nguyễn Thị Việt Hà đã nhạy cảm với sự đổi thay của môi trường nông thôn, kịp thời ghi lại những biến dạng của môi trường dưới bàn tay của những người chỉ nghĩ đến lợi ích trước mắt.

Thấp thoáng trong những trang viết của Nguyễn Thị Việt Hà là vấn nạn dòng sông và những cánh đồng đang bị ô nhiễm trầm trọng. Những dòng sông chằng chịt, những cánh đồng bạt ngàn cò bay thẳng cánh vốn là linh hồn của miền Tây Nam Bộ đã từng đi vào văn chương nghệ thuật với thái độ ca ngợi, trân trọng, nâng niu của nhà văn. Tuy vậy, khi xuất hiện trong văn học đương đại Việt Nam, dòng sông và cánh đồng miền Tây không còn trong lành và tươi đẹp như ngày trước. Trước dòng sông và cánh đồng, con người không chỉ có cảm xúc sảng khoái, say mê tận hưởng mà còn trăn trở, âu lo, thậm chí đón đầu, chua xót. Hình ảnh những cánh đồng bị thu hẹp dần, đất đai và nguồn nước bị nhiễm phèn mặn dấy lên nỗi lo lắng tột cùng trong lòng nhân vật người má và ông già Hai trong truyện ngắn *Chuyện ở quê*: “Ông già Hai, chồng má xót đất, xót đồng buồn như trái dừa khô rơi xuống sông, trời lên thụp xuống giữa làn sóng bạt rồi giạt vướng vô bờ vô bụi mắc cạn, thân hóp lại, da héo khô” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Mảnh đất, cánh đồng không đơn thuần chỉ là nơi trú ngụ, cày cấy mưu sinh mà đã “hóa tâm hồn”, là máu thịt của con người. Bởi thế, con người cảm thấy xót xa, buồn bã khi chứng kiến chúng dần dần trở nên bạc màu, nhiễm phèn mặn. Từ điểm nhìn và dự cảm của những nhân vật trong truyện, Nguyễn Thị Việt Hà cũng đã chỉ ra những ảnh hưởng nghiêm trọng của nước nhiễm phèn mặn, đất đai bạc màu đến cuộc sống con người. Vấn đề này cũng từng được Nguyễn Ngọc Tư đề cập trong *Cánh đồng bất tận*:

“Những cây lúa non trên đồng, thân đã khô cong như tàn nhang chưa rụng, nắm vào bàn tay là nát vụn. Cha tôi tháo cái khung tre chắn dưới sàn ghe, bầy vịt lúc nhúc chen ra, cuống quýt, nháo nhào, quấy ngợp xuống mặt nước váng phèn. Một lớp phèn mới, vàng sẫm quánh lại trên bộ lông của những con vịt đói” (Nguyễn Ngọc Tư, 2016). Có thể thấy, hầu như những nhà văn trưởng thành ở vùng đất Tây Nam Bộ và viết về nơi đây đều trăn trở, đau đầu trước sự thay đổi của môi trường thiên nhiên theo chiều hướng tiêu cực. Nguyễn Thị Việt Hà và Nguyễn Ngọc Tư đã gặp nhau ở cảm hứng thiên nhiên và nỗi xót đau trước vùng quê nhiễm phèn mặn, ảnh hưởng trầm trọng đến đời sống con người.

Nguồn sống chủ yếu của người dân vùng nông thôn Tây Nam Bộ phụ thuộc và con sông, đất đai, đồng ruộng, vì vậy, khi đất và nước bị ô nhiễm, cá tôm chết sạch, cây lúa không thể bén rễ, cuộc sống con người ngày càng chật vật bấp bênh. Hoàn cảnh của gia đình nhân vật người má ở cái xóm nhỏ trong truyện ngắn *Chuyện ở quê* cũng là hoàn cảnh chung của người dân vùng sông nước: “cả một xóm lao đao vì tôm chết”, “đất nhiễm mặn thêm, chuối dừa chết lần lần, tôm cá như bốc hơi đi đâu hết” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Mặc dù con người đã nỗ lực cải tạo đất đai, tìm mọi cách để bảo vệ vườn tược, giữ lấy cái màu xanh trù phú như nhân vật ba: “may thời hàng mít sau nhà, ba bồi đất cao nên sông sót nhưng trái cũng nhỏ đi nhiều” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Song hiệu quả cũng không nhiều, bởi nói như Nguyễn Ngọc Tư trong *Khói trời lộng lẫy*: “Con người trừng trị thiên nhiên bằng cách hạ nhục, hủy hoại nó, còn thiên nhiên trả thù bằng cách: Nó biến mất”. Có thể coi đây là một chân lí đơn giản nhưng vô cùng nghiêm trọng. Môi trường nông thôn bị ô

nhiệm đã xóa sổ hình ảnh của những đàn vịt chạy đồng, bởi lẽ “đồng ở đây lúa gặt thưa hột dữ lắm, có đâu như xưa mà chạy đồng” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Màu xanh đồng ruộng đã lùi xa vào dĩ vãng, trên khoảng đất trống trải và bạc màu cây lúa không đủ dinh dưỡng để sinh tồn, vì vậy “ngọn lúa thì gục thấp, “đồng lơ thơ vài khóm bòn bòn vài thửa cỏ lác” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Con người đã dần cảm thấy xa lạ với chính nơi mà họ được sinh ra, nơi tổ tiên họ từng khai khẩn đất hoang, đặt tên xóm tên làng, làm nên linh hồn quê hương xứ sở.

Một hiện tượng khác xảy ra trên những dòng sông cũng được Nguyễn Thị Việt Hà đề cập trong một số truyện ngắn chính là lở đất. Những năm gần đây, tình trạng sụp lún, sạt lở đất ngày càng có chiều hướng gia tăng và làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của con người, làm biến dạng sông ngòi, kênh rạch. Nguyễn Thị Việt Hà không lấy lở đất làm nguồn cảm hứng chính để sáng tác, nhưng hình ảnh những bờ sông bị sạt lở trong truyện ngắn của nữ nhà văn đã ảnh hưởng rất lớn đến tâm tư, tình cảm của hình tượng nhân vật mà chị xây dựng. Những chi tiết này đã góp một phần lớn trong việc khắc họa thân phận con người trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà. Trong truyện ngắn *Ở lại cùng sông*, nhà văn đã để cho nỗi buồn về cuộc đời khổ đau mất mát của dì Tư Rum hòa cùng âm thanh sóng nước và bóng hình bờ sông lở loét: “Giọng dì vẫn nhàn nhạt, buồn buồn, trầm trầm lẫn vào tiếng sóng vỗ bờ dứt... ra từng tảng đất đỏ oàm xuống sông, sóng liềm vào chiếc ghe chùng chình lay lắt” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Dòng sông trong truyện ngắn của chị không phải lúc nào cũng êm đềm và vĩnh hằng với thời gian, nó cũng biến động, mất mát như cuộc đời của dì Tư Rum trong câu chuyện được

kể trên chiếc ghe lênh đênh sông nước. Câu chuyện của một người đàn bà có chồng sống trên ghe, được dòng sông cu r mang nhưng cũng bị dòng sông cướp đi những thứ quý giá: “tê sông bị chân vịt chém xém đứt mấy ngón tay”, thằng con lớn “đục hàu bị vọt bẻ chết đuối” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Hiện tượng đất lở cũng được Nguyễn Thị Việt Hà nhắc đến trong truyện ngắn *Biên biệt sông* như một lời cảnh báo của tự nhiên trước vắn nạn con người khai thác tài nguyên thiên nhiên đến kiệt quệ: “Bữa đó sông bỗng dung động, dữ dội lắm, liềm sụp từng mảng bờ lớn” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Trong cảm nhận của nhân vật người vợ, tiếng sóng, tiếng từng mảng đất sụp xuống lòng sông chính là âm thanh của dòng sông. Con người đang lắng nghe tiếng kêu la đau xót của dòng sông và lắng nghe lời cảnh tỉnh, đe dọa của sông nước.

Một bộ phận con người trong đời sống thường nhật và trong sản xuất đã thải một lượng rác và nước sinh hoạt xuống sông ngòi, kênh rạch, đường xá. Môi trường đất, nước, không khí vì thế mà ô nhiễm trầm trọng. Ô nhiễm môi trường bởi rác thải sinh hoạt và sản xuất từ lâu đã trở thành vắn nạn nhức nhối đòi hỏi con người phải có thái độ khắc phục kịp thời, nhìn nhận lại ý thức cá nhân, tuy nhiên vẫn chưa thể cải thiện được. Nguyễn Thị Việt Hà đã trần trở trước sự ô nhiễm của môi trường nông thôn, chị đã phản ánh chân thật thực trạng ấy vào trong những sáng tác của mình, từ đó thức tỉnh ý thức của người đọc. Hình ảnh dòng sông đầy rác thải trở thành nỗi ám ảnh của nhân vật dì Tư Rum trong truyện ngắn *Ở lại cùng sông*: “Tình thiệt mỗi ngày lặn lội ở khúc sông dơ dáy tui cũng tui cái thân tui. Những ngày trời nóng nước sông hôi thúi kinh hoàng. Người ta quăng tất cả những gì rác rưởi xuống dòng sông này. Nhưng cũng có lúc khúc sông này cũng

xôm tụ chớ không hiu quạnh như giờ” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Đối với những người thương hồ sống nương tựa vào sông như di Tur Rum và các nhân vật được nhắc đến trong *Ở lại cùng sông*, dòng sông là biểu tượng của Mẹ, nước là một thực thể nuôi lớn con người. Họ mưu sinh trên sông, biết ơn dòng sông, xem sông như máu thịt của mình. Bởi vậy, khi chứng kiến cảnh dòng sông đầy rác thải, nước sông hôi thối, con người vừa hụt hẫng, vừa phẫn nộ. Dòng sông ô nhiễm cũng xuất hiện trong truyện ngắn *Tiếng sáo trên dòng Lung Cùg*. Sáng tạo ra dòng Lung Cùg chảy trôi giữa mảnh đất cuối cùng đất nước, Nguyễn Thị Việt Hà chẳng những tái hiện đặc trưng của đất và người nơi đây mà còn phản ánh thực trạng môi trường xứ sở muối mòng đĩa vắt. Con sông Lung Cùg trong cảm nhận tinh tế của nhân vật “tôi” không còn giữ được sự trong lành của ngày xưa: “Tôi chết điếng nằm xuôi xuôi có cảm giác tôi đang trôi theo chị Lan trên con sông Lung Cùg đầy rác rưởi” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Những người vô ý thức đã cướp đi vẻ đẹp mà mẹ thiên nhiên ban tặng cho dòng sông, ném trả lại một con sông hôi tanh, bẩn thiu, trở thành đối tượng để con người xa lánh. Sự ô nhiễm không chỉ xảy ra dưới nước mà còn xảy ra ở trên bờ. Cuộc đời nhân vật Phần - cô gái tật nguyền - trong truyện ngắn *Ráng chiều rực đỏ* quanh quẩn ở cái xóm nhỏ vùng sông nước. Cái xóm mà Nguyễn Thị Việt Hà xây dựng thành không gian nghệ thuật không hiền hòa, tươi đẹp, trong lành mà dơ bẩn, ảm thấp: “đống rác nằm chình ình đầy ruồi nhặng chuột, mèo chết, chó chết được quăng ra đấy, bốc mùi tanh thối áng ngữ” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Nhà văn không chỉ tái hiện sự ô nhiễm của môi trường nông thôn mà còn đề cập đến thói vô trách nhiệm và vô lương tâm của cơ

quan chức trách. Vô trách nhiệm bởi đống rác trong truyện ngắn *Ráng chiều rực đỏ* tồn tại cạnh nhà văn hóa xã, vô lương tâm bởi cơ quan chức trách không quan tâm đến đống rác mà chỉ “động viên ả dỡ cái chòi đi cho đỡ bày bầy” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Có thể thấy, con người đã đối xử hẹp hòi, tệ bạc với thiên nhiên và với chính đồng loại. Sự suy thoái của môi trường kéo theo sự suy thoái đạo đức của một bộ phận người trong xã hội hôm nay.

Bên cạnh sông ngòi, kênh rạch ở vùng Tây Nam Bộ bị đối xử tàn nhẫn thì núi rừng cũng bị con người khai thác đến mức kiệt quệ. Nếu những dòng sông bị phèn mặn, đầy rác rưởi, cá tôm chết sạch thì những cánh rừng cũng trở trọi dần dưới nhát rìu và mối lửa của con người. Những vụ cháy rừng cứ liên tục diễn ra mà nguyên nhân chủ yếu là hoạt động của con người đốt rừng làm nương rẫy, hun khói để lấy mật ong, biến đổi khí hậu (mà sâu xa cũng do con người gây ra). Hiện lên trong truyện ngắn *Mưa đầu non* là hình ảnh “cỏ tranh vàng lất phất mọc lên từ rừng cây đen cháy” và “trảng rừng cháy trở trọi” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Trong *Mưa đầu non*, rừng chính là nơi mà người đàn bà khổ đau cùng mấy đứa con trở về sau những đau thương tủi nhục trong cuộc đời. Rừng trở thành nơi nuôi dưỡng phần xác và phần hồn của những con người ấy. Vì thế, những cánh rừng bị cháy đã để lại khoảng trống không nhỏ trong tâm hồn của họ, gợi lên nỗi đau đớn, xót xa. Trong truyện ngắn *Cái bóng của rừng*, Nguyễn Thị Việt Hà trực tiếp phản ánh thực trạng phá hủy môi trường rừng, khiến diện tích rừng thu hẹp dần. Nhan đề câu chuyện đã ngụ ý đối tượng mà Nguyễn Thị Việt Hà hướng đến là rừng và câu văn đầu truyện đã hé mở cho người đọc cảnh tượng những cánh rừng bị thương tổn bởi con người: “Người ta đang giết rừng

bằng cách đốt trụi tất thảy các loại gỗ. Rừng hấp hối trợ xương” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Trong cảm nhận của nhà văn, rừng cây không vô tri vô giác mà cũng có linh hồn, cũng biết đau đớn như con người. Màu xanh mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng đã nhạt dần, những cánh rừng xum xuê, rậm rạp đang “hấp hối trợ xương” như từng giây, từng phút già từ cuộc sống. Rừng đã yêu thương và bảo bọc con người, nhưng chính con người làm cho diện tích rừng bị thu hẹp và rồi một lúc nào đó sẽ xóa sạch bóng dáng những rừng cây.

Cháy rừng cũng đã kéo theo những hệ lụy khác như thiên tai, lũ quét, đặc biệt là những cánh rừng đầu nguồn. Cũng trong *Mưa đầu non*, Nguyễn Thị Việt Hà đã đặt người đàn bà đau khổ trong cơn bão dữ dội ở núi rừng tại một vùng nông thôn thuộc tỉnh Lâm Đồng: “Mưa rơi đầu non. Những cơn mưa rừng sầm sập, dữ dội và dai dẳng”, “quyền năng của núi rừng đang gầm thét, muốn quật ngã người đàn bà gan lì kia” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Thiên tai đang đe dọa sinh mệnh của người đàn bà khổ đau, nhưng ở nhân vật có một bản lĩnh gan dạ, kiên cường nên người đàn bà ấy đã đối mặt với thiên nhiên bằng thái độ thách thức vì cuộc sống mưu sinh.

Nữ nhà văn đã làm rõ sự can thiệp thô bạo của con người vào vẻ đẹp nguyên sơ của môi trường thiên nhiên, đồng thời chỉ rõ sự biến dạng của môi trường nông thôn trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiều người đã chạy theo lợi ích nhất thời mà quên đi môi trường sống, làm cho hồn quê, hồn làng, hồn đất, những giá trị văn hóa truyền thống mất dần theo năm tháng. Đã đến lúc con người phải quan tâm hơn đến vấn đề môi trường tự nhiên, nhìn nhận lại ý thức của mình và nỗ lực đấu tranh bảo vệ màu xanh trong lành cho Trái Đất.

2.2.2. Thiên nhiên tác động đến tâm hồn con người

Từ lâu, thiên nhiên chẳng những là ngôi nhà không lồ của con người và muông thú tựa vào để sống mà còn thanh lọc tâm hồn con người, cứu rỗi tâm hồn con người. Kết quả nghiên cứu của Trần Thị Ánh Nguyệt và Lê Lư Oanh cho rằng: “Thiên nhiên cũng làm thanh lọc tâm hồn con người. Khi soi vào thiên nhiên, con người nhìn nhận lại, tự vấn lại mình” (Trần Thị Ánh Nguyệt & Lê Lư Oanh, 2016, tr.267). Thông qua thiên nhiên, người phụ nữ trong truyện ngắn *Biển biệt sông* đã bộc lộ được sự chăm chỉ, đam mê được kế thừa từ người phụ nữ Nam Bộ truyền thống: “căn nhà mới được dựng lên, mảnh vườn cũ được gieo trồng mới, bầy gà được gầy, con heo nhỏ được nuôi” (Nhiều tác giả, 2018). Người phụ nữ đã nỗ lực cải tạo tự nhiên, dựng nhà, trồng vườn, nuôi gà, nuôi heo chỉ để tạo ra một cảnh tượng đầm ấm, sung túc với khát khao sẽ giữ được chân của người chồng vốn quen sống đời gạo chợ nước sông. Đối với nhân vật người chồng, môi trường khiến tâm hồn anh dạt dào tình cảm và nhận ra ý nghĩa của cuộc sống chính là những dòng sông. Thiên nhiên trong truyện ngắn *Biển biệt sông* tuy hiền hòa thân thuộc nhưng được phân định và tồn tại trong thế tranh đấu gay gắt. Một bên là căn nhà, vườn tược, đàn gà mà người vợ chăm bón để níu giữ chân chồng, một bên là dòng sông với những chiếc ghe xuôi ngược quấy rầy người chồng bỏ bờ mà sống lênhênh trên sông nước. Cảnh tượng đầm ấm trên bờ làm nổi rõ tình yêu của người vợ đối với chồng, còn nổi nhớ sông “đã nằm sẵn đó lâu lắm rồi” lại minh chứng cho tình yêu sông nước và khát khao được trở về với môi trường đích thực của người đàn ông. Từ miền Tây sông nước ngược lên miền núi cao, trước thiên nhiên, cô gái người dân

tộc thiểu số trong truyện ngắn *Cái bóng của rừng* bộc lộ niềm yêu mến thiết tha đối với khu rừng, núi đồi, nương rẫy, nơi cô đã sống và gắn bó những năm tháng dài trong cuộc đời của mình: “Người dân tộc chúng em yêu cái rừng, cái rẫy như yêu cái nhà, cái bếp nhà mình không ai giết rừng đâu” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Trong tâm thức của người miền núi, rừng là một sinh thể có tâm hồn, có tấm lòng bao dung, biết yêu thương con người và cũng biết đau xót khi con người nhẫn tâm hủy diệt. Vì thế, khi dành tình cảm sâu nặng cho rừng già, nhân vật phần nào thể hiện sự biết ơn rừng đã cho họ những thứ quý giá, nuôi dưỡng tâm hồn của họ để từ đó họ biết rung động, biết yêu thương, không ngừng hoàn thiện nhân cách.

Thời đại nào thì con người cũng muốn hòa mình vào thiên nhiên, khát khao được giao hòa với tự nhiên. Ở đó con người mới thực sự là chính mình, có thể đối diện với bản thân, cảm xúc thăng hoa. Trong một số truyện ngắn, Nguyễn Thị Việt Hà xây dựng nhân vật xem thiên nhiên là điểm tựa, muốn được tự do giữa thiên nhiên hoang sơ, khát khao khám phá cái đẹp của tự nhiên như một món ăn bổ ích cho tâm hồn. Khi chìm đắm vào thiên nhiên, hai mẹ con trong truyện ngắn *Bay về phía mùa xuân* phát hiện ra muôn vàn điều tuyệt đẹp, ngay cả giọt sương quen thuộc cũng lấp lánh diệu kì: “Con lại gần đây và ngắm nhìn hạt sương sẽ thấy trong hạt sương bé xíu kia nắng chiếu vào sẽ có chiếc cầu vồng kỳ diệu hiện lên” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Sương, nắng và cầu vồng là hiện tượng bình thường của tự nhiên, nhưng nó lại là phát hiện tinh tế và được cảm nhận bằng tâm hồn nhạy cảm của cậu con trai bất hạnh trong câu chuyện. Chiếc cầu vồng chính là biểu tượng của ước mơ, niềm hi vọng vào tương lai tốt đẹp. Mảnh liệt hơn

nữa chính là ước mong của người mẹ rằng đứa con sẽ được hòa nhập vào tự nhiên, là một phần của thiên nhiên: “Ánh nắng hãy mang tôi lên trời cao... Tôi muốn tan biến vào mẹ thiên nhiên. Mỗi hạt sương sẽ tan biến khi mang trong lòng mình một chiếc cầu vồng. Cả đêm dốc mình tích tụ để sáng mai tan biến, đó là cuộc sống bất tận của những hạt sương” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014).

Trong cảm thức về thế giới, con người vẫn tin rằng có quyền năng tuyệt vời tạo nên thế giới xanh, con người đã sáng tạo ra hình tượng “Mẹ Thiên Nhiên” và nhắc đến bằng tấm lòng biết ơn sâu sắc. Khi tan biến vào mẹ thiên nhiên, đứa con sẽ được mẹ thiên nhiên chở che, bảo bọc, được yêu thương và tồn tại vĩnh hằng, bất tận. Thấp thoáng trong ước muốn của người mẹ chính là niềm tin vào sự trường tồn vĩnh cửu của một “thế giới xanh”. Tất nhiên vạn vật sẽ biến đổi theo thời gian, thiên nhiên cũng tương tự như thế. Vấn đề đáng nói là thiên nhiên đang biến đổi theo chiều hướng tiêu cực, con người cần chung tay bảo vệ thiên nhiên, mọi hành động phá hoại thiên nhiên đều là hành động man rợ và phi nhân tính.

Nhân vật di Tư Rum trong truyện ngắn *Ở lại cùng sông* chọn cách gắn bó với dòng sông, mưu sinh trên sông chứ không chấp nhận lên bờ sống là biểu hiện của khao khát được hòa nhập vào tự nhiên: “Tui với ông dút dạt ở lại với sông rồi. Thằng Hậu lên bờ nó yên phận nó, nó xây được nhà lầu thì vợ nó cháu tui được sung sướng, vậy là tui an tâm. Tui tui quen sóng quen gió rồi, lên bờ cái thứ chi cũng lạ nhách. Mà lên bờ tui với ông bà ông bà nội sắp nhỏ, bỏ thằng Phúc sao đành cô ơi” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Khi ở lại với sông, người đàn bà có cuộc đời đau đớn đã khước từ những sản phẩm của quá trình

hiện đại hóa (nhà lầu), muốn được quay về với chiếc ghe, mái chèo, dòng sông và công việc đục hàu quen thuộc của người dân miền sông nước. Thái độ khước từ sản phẩm của hiện đại hóa, công nghiệp hóa không phải là biểu hiện của kiêu người lạc hậu mà là quay mặt lại với thiên nhiên, muốn hòa mình vào thiên nhiên mà sống. Đó chính là lối sống nhân văn trong thời đại hôm nay.

Tác giả này không phủ định vai trò của con người trong việc cải tạo thế giới tự nhiên, nhưng lại đặt ra một vấn đề nhức nhối: với tham vọng to lớn của con người, chữ “cải tạo” đã dần chuyển sang thành “tàn phá”, “tận diệt”. Nguyễn Thị Việt Hà đã phát hiện ra sự “cải tạo” đúng nghĩa bên cạnh thái độ phản ánh hành động phá hủy hoặc khai thác tự nhiên đến kiệt quệ của con người. Người phụ nữ trong *Mưa đầu non* thông qua quá trình cải tạo đã hòa nhập vào tự nhiên, tìm thấy niềm vui trong cái thú “nông nhàn” của người bước ra từ nông thôn thuần hậu: “Chị gieo hạt, cả khu vườn mọc tấp nham cây cỏ của u xanh một màu rau đậu, cây mận miền nam ngày chồng chị mang về thăm u được tia cảnh, bón gốc. Chị vẫn đẹp như cánh đồng ngô đương ủ bắp” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Thật ra, nếu nhìn cuộc sống bằng cái nhìn đầy tin yêu, có thể nhận ra con người không hoàn toàn hủy diệt thiên nhiên mà góp phần làm cho nó tươi đẹp, tuy nhiên đó không phải là số đông. Một thực tế xót xa là có rất ít những người muốn bỏ phố về quê, tìm về cội nguồn sinh dưỡng và sống thanh bình giữa thiên nhiên như nhân vật nữ trong *Hoàn Nguyên*. Phần đông họ lao mình vào nền kinh tế tri thức, chọn cuộc sống bon chen, chật vật giữa thành phố. Miền quê trở nên xa lạ đối với họ. Việc chạy theo nền kinh tế tri thức sẽ không có gì đáng nói nếu con người biết yêu chuộng thiên nhiên. Những dòng tâm sự của nhân vật cuối

truyện đã nói lên cái ước ao bình dị của anh, ước ao được trở về “trồng rau nuôi cá”: “Tôi không muốn tiếp tục đi trên hành trình hủy hoại mình, tôi chỉ muốn dừng chân chính cái nơi má đã lượm tôi đem về nuôi. Rạng sáng, tôi sẽ xuôi chuyến xe đầu tiên của ngày về miền Tây. Tôi trở về cái ấp nhỏ xíu xiu lam lũ, về với má để được làm mẹ của Hoàn Nguyên con tôi, để chăm mộ phần của má, để đợi em Huệ trở về, để được dọn lại vườn nhà chằng chịt bìm bìm, cỏ lác... Chuyến xe này tôi không thể trễ...” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Rõ ràng, đến một lúc nào đó trong cuộc đời con người, khát vọng đơn giản, bình dị mà mãnh liệt nhất của con người chính là được về với thiên nhiên, với quê nhà. Nguyễn Thị Việt Hà thường đặt nhân vật của mình trong mối liên hệ sâu sắc với môi trường thiên nhiên nông thôn (môi trường sông nước, môi trường rừng). Thiên nhiên gắn chặt và không thể tách rời với con người trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà.

Trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà, mối quan hệ hài hòa giữa con người với tự nhiên được thể hiện ở phương diện thiên nhiên an ủi con người, thết đãi con người những món ăn ngon, những phong cảnh đẹp, còn con người, bên cạnh những kẻ tàn phá hủy diệt thì vẫn còn đâu đó những người nặng tình với thiên nhiên. Môi trường sông ngòi, kênh rạch đã cho tôm cá làm phong phú bữa ăn trong gia đình, đó là món “cháo hàu” mà qua lời giới thiệu của dì Tư Rum trong truyện ngắn *Ở lại cùng sông* nhận ra “không có thứ nào ngon hơn hàu, chỉ đưa thìa cháo vào miệng, răng khê chạm vào thân hàu và cảm nhận một tiếng vỡ bục thật khê, vị thơm ngậy cứ lẫn quất trong vòm miệng, để rồi khi đã trót ăn một lần thì cứ vẩn vương mãi không dứt” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Hay cái mâm cơm “má kho cá với trái bầu, canh chua cá ngát nấu bầu thơm lừng”, “miếng cá bóng

kho bần”, “thịt cá trắng kho bần chín ngọt thơm nhứt hạng” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014) trong truyện ngắn *Chuyện ở quê* cũng là đặc sản của vùng sông nước miền Tây tự bao giờ đã nuôi lớn con người. Những món ăn ngon đều bắt nguồn từ thiên nhiên, nó là hồn đất, hồn sông, là sợi dây vô hình để giữ chân người ở mảnh đất thôn dã bình dị, là lực kéo con người dù đi đâu cũng hướng về miền quê. Nhân vật người chồng và người vợ trong *Biển biệt sông* luôn nặng tình với sông, dòng sông an ủi tâm hồn của họ, bù đắp những thiếu thốn và nuôi dưỡng họ để rồi họ chấp nhận từ bỏ những thứ quý giá nhất để sống cùng dòng nước: “Sông Cà Mau còn đổ về đâu... Sông biển biệt sông... Chị quăng chài, thả lưới giỏi y chang người cha sanh mẹ đẻ ở với sông, hai đứa nhỏ như rái cá, rồi dần quên mặt chữ. Ghe chị đi hết hạ nguồn tới thượng nguồn. Sông biển biệt sông. Chị biển biệt anh” (Nhiều tác giả, 2018). Có thể thấy, vì sông mà người chồng quyết định từ bỏ bờ bãi, nhà cửa để được sống hài hòa với nó, đồng thời người vợ cũng vì chồng mà quyết định bỏ đất sống đời lênh đênh sóng nước để tìm chồng, dần dần trở thành người của sông. Sông với người không thể tách rời nhau được.

Nguyễn Thị Việt Hà đã tái hiện hai kiểu người, hai thái độ (kẻ tàn nhẫn phá hoại thiên nhiên và người yêu thương, cải tạo thiên nhiên, kiến tạo văn hóa), hai trạng thái của tự nhiên (bị hủy diệt, biến dạng và tươi đẹp, thanh lọc tâm hồn con người) trong một số truyện ngắn của chị. Với những đối cực này, yếu tố sinh thái trong truyện ngắn Nguyễn Thị Việt Hà hiện lên khá toàn diện, bao quát, lấp lánh sắc màu của chủ nghĩa nhân văn.

2.3. Môi trường nông thôn trong một số truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà - nhìn từ phương diện nghệ thuật

Trong cuốn *Rừng khô, suối cạn, biển*

độc... và văn chương, Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017) cho rằng khi nghiên cứu phê bình sinh thái cần “chú ý đến nghệ thuật văn chương bên cạnh thông điệp môi trường” (Nguyễn Thị Tịnh Thy, 2017, tr.71). Vấn đề sinh thái chẳng những được thể hiện thông qua những thông điệp toát lên từ tác phẩm mà còn thông qua hình thức nghệ thuật đặc sắc. Nguyễn Thị Việt Hà là một nhà văn có phong cách, tuy phong cách của chị ít nhiều hòa lẫn với phong cách chung của những nhà văn đồng bằng chuyên viết về mảnh đất Tây Nam Bộ, nhưng không phải vì thế mà sáng tác của chị thiếu đi chất riêng. Nghệ thuật tự sự độc đáo trong một số truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà đã góp phần khắc đậm vấn đề sinh thái, môi trường xanh mà nữ nhà văn muốn gửi gắm.

Để thể hiện tư tưởng sinh thái, Nguyễn Thị Việt Hà đã lựa chọn những tên truyện thật ấn tượng. Ở nhiều nhan đề truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà, thiên nhiên xuất hiện với sông ngòi, rừng núi, bến bãi,... phần nào toát lên tinh thần sinh thái mà tác giả thể hiện trong tác phẩm. Đồng thời, việc đưa thiên nhiên vào nhan đề còn thể hiện thái độ tôn trọng, đề cao thế giới tự nhiên của nhà văn. Thiên nhiên được Nguyễn Thị Việt Hà đặt ở vị trí ưu tiên: nhan đề, nó không chỉ là sự mô phỏng thế giới tự nhiên qua điểm nhìn của tác giả mà còn hàm chứa nhiều ý nghĩa, thông điệp. Đó là những nhan đề như *Ở lại cùng sông*, *Tiếng sáo trên dòng Lung Cùng*, *Gió buồn qua sông vắng*, *Mưa vẫn rơi ngoài hiên*, *Mưa đầu non*, *Bến nước xóm Xẻo Sâu*, *Ngôi nhà dưới đôi dĩa quỳ*, *Cái bóng của rừng*,... Kiểu nhan đề với mục đích nhấn mạnh sự tồn tại của tự nhiên trở nên phổ biến trong sáng tác của Nguyễn Thị Việt Hà, không riêng nhan đề truyện ngắn mà nhan đề tiểu thuyết cũng tương tự như thế (trường hợp tiểu thuyết *Bình minh mùa thu*).

Thông qua nhan đề, bên cạnh thái độ tôn trọng tự nhiên như đã nói, Nguyễn Thị Việt Hà còn bộc lộ nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau: niềm yêu mến thiết tha và khát vọng gắn bó với thế giới tự nhiên, những miền quê trên khắp đất nước (chẳng hạn *Ở lại cùng sông, Tiếng sáo trên dòng Lung Cùng,...*); nỗi buồn (chẳng hạn *Gió buồn qua sông vắng, Mưa đầu non,...*); niềm hoan, háo hức và đầy hy vọng trước một thiên nhiên tươi đẹp, trù phú, lãng mạn (chẳng hạn *Mưa vẫn rơi ngoài hiên, Mùa xuân trên bàn phím, Khi mùa thu trở lại,...*).

Phần lớn không gian trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà là không gian nông thôn, cụ thể là không gian cánh đồng, sông nước (miền xuôi), không gian núi rừng, nương rẫy (miền núi). Dù là không gian nào đi nữa thì Nguyễn Thị Việt Hà cũng nỗ lực tái hiện lại những nét đặc trưng của vùng miền, phản ánh tình trạng môi trường qua sự điểm nhìn của tác giả, đồng thời ghi lại hồn đất, hồn sông, hồn rừng... từ đó nối kết không gian với hình tượng nhân vật. Người đọc bắt gặp không gian miền quê heo lánh, xa xôi trong những truyện ngắn như *Ở lại cùng sông, Tiếng sáo trên dòng Lung Cùng, Ráng chiều rực đỏ, Chuyện ở quê, Mưa rơi đầu non, Cái bóng của rừng, Biền biệt sông,...* Không gian đô thị cũng xuất hiện trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà, tuy nhiên, vấn đề môi trường đô thị không chiếm ưu thế như không gian nông thôn. Có lẽ Nguyễn Thị Việt Hà đã gắn bó, am hiểu và có tình yêu thiết tha đến những miền quê nghèo khổ trên khắp đất nước, đặc biệt là miền Tây sông nước nên không gian trong truyện của nhà văn hiện lên y như thật. Thiên nhiên đã được Nguyễn Thị Việt Hà tái tạo tỉ mỉ, đa sắc trong truyện ngắn.

Ngôn ngữ cũng là yếu tố độc đáo trong truyện ngắn Nguyễn Thị Việt Hà. Khi

tiếp cận vấn đề sinh thái trong tác phẩm văn chương, người tiếp nhận thường có xu hướng ca ngợi những cảm nhận tinh tế, vốn hiểu biết sâu sắc, giá trị phản ánh và tuyên truyền, tình cảm nhân văn mà nhà văn gửi gắm. Song, không thể nào không nhắc đến hình tượng ngôn từ mà người nghệ sĩ sử dụng để thể hiện vấn đề sinh thái trong tác phẩm văn học. Nội dung tư tưởng được biểu đạt thông qua ngôn từ, ngôn từ càng hay, càng sáng tạo thì hiệu quả biểu đạt của nó càng cao, tác phẩm vì thế mà đẹp hơn, hoàn hảo hơn, thể hiện được tinh thần sinh thái và có sức sống lâu bền trong đời sống văn học. Ở truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà, yếu tố ngôn ngữ thiên về phản ánh vấn đề, kể chuyện và tả cảnh. Nói ngôn ngữ trong truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà thiên về phản ánh vấn đề sinh thái nhưng không phải là cách phản ánh khô khan, nặng nề như văn bản nhật dụng. Ngược lại, cách phản ánh của Nguyễn Thị Việt Hà rất nữ tính, giàu hình ảnh, gắn liền với cảm xúc và thái độ của nhà văn. Đặc biệt, nhà văn thường gắn chặt số phận nhân vật, biến cố của nhân vật với vấn đề sinh thái, chẳng hạn trong truyện ngắn *Tiếng sáo trên dòng Lung Cùng*, nhân vật “tôi” “điếng người nằm xuôi xuôi có cảm giác tôi đang trôi theo chị Lan trên con sông Lung Cùng đầy rác rưởi” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Sự ô nhiễm trên dòng sông Lung Cùng đã được “trải nghiệm” bởi nhân vật trong cảm giác bất lực, buông xuôi. Mặt khác, ngôn ngữ mà Nguyễn Thị Việt Hà sử dụng mang màu sắc Nam Bộ rõ rệt, cụ thể, ngôn ngữ gần gũi, dân dã, bình dị như lời ăn tiếng nói thường ngày của con người miền Tây Nam Bộ. Nhà văn đã để cho chính người nông thôn nói về vấn nạn môi trường sinh thái. Kiểu câu so sánh giữa quá khứ với thực tại cũng được tác giả sử dụng linh hoạt, chẳng hạn: “Người ta quăng tất cả những gì rác rưởi xuống dòng sông này. Nhưng cũng có

lúc khúc sông này cũng xôm tụ chớ không hiu quạnh như giờ” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Sự thay đổi của môi trường đã được Nguyễn Thị Việt Hà tái hiện chân thật, chính xác, phản ánh đúng tình trạng của môi trường sinh thái trong thời đại hôm nay. Ngoài ra, Nguyễn Thị Việt Hà cũng lồng ghép yếu tố sinh thái trong những câu thoại của nhân vật. Nghĩa là nhà văn không phải là người phát ngôn trực tiếp vấn đề môi trường mà để cho nhân vật phát ngôn. Những câu thoại của Nguyễn Thị Việt Hà có độ ngắn dài khác nhau, nhưng đa phần là những câu thoại dài, có nhịp điệu, chất chứa tấm lòng của con người đối với môi trường sinh thái. Chẳng hạn trong truyện ngắn *Mưa đầu non*, trước lúc ra đi, người mẹ bất hạnh vẫn quan tâm tới cây xương rồng trước nhà: “Hiền ra xem mấy cây xương rồng trở mầm chưa?” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Sự quan tâm ấy tuy nhỏ nhặt nhưng thật xúc động.

Ngoài nghệ thuật tự sự độc đáo như đã nói trên, nghệ thuật miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Thị Việt Hà cũng góp phần chuyển tải tư tưởng sinh thái đến độc giả. Một trong những thế mạnh của Nguyễn Thị Việt Hà là tả cảnh, mặt khác, việc nhà văn này có những trải nghiệm ở nhiều vùng miền khác nhau trên đất nước (đặc biệt là vùng sông nước Tây Nam Bộ) khiến Nguyễn Thị Việt Hà am hiểu hơn về đặc trưng tự nhiên của miền núi, miền xuôi, miền biển... Bằng tình yêu sâu sắc, Nguyễn Thị Việt Hà đã dùng ngôn từ nghệ thuật để biến thế giới tự nhiên, hình ảnh nông thôn hiện ra sống động, đa dạng. Ngôi bút Nguyễn Thị Việt Hà không chú trọng mô phỏng, khi tả cảnh, tác giả đã chắt lọc những hình ảnh tiêu biểu từ thế giới tự nhiên và đưa vào tác phẩm với dụng ý nhất định. Cách miêu tả thiên nhiên của Nguyễn Thị Việt Hà đặc sắc ở chỗ không có quá nhiều hình ảnh, chi tiết thừa. Tuy vậy mỗi

“chất liệu” thiên nhiên trong truyện đều giàu sức gợi, góp phần thể hiện hồn cốt nông thôn, màu sắc vùng miền trong sáng tác của Nguyễn Thị Việt Hà. Chẳng hạn khi miêu tả thiên nhiên sông nước Cà Mau, Nguyễn Thị Việt Hà đã lựa chọn hình ảnh cây đước - loài cây mọc phổ biến ở Cà Mau. Trong truyện ngắn *Chuyến than cuối*, Nguyễn Thị Việt Hà miêu tả: “Đước Cà Mau mênh mông chặt đầu có hết”, “Mấy anh em ngồi trước sông, hút tầm mắt trông điệp là đước. Đó là cái vẻ bề ngoài, Tư rõ hơn ai hết, bên trong từng đám rỗng tợ như đám rừng hôm qua Tư chặt, có hàng trăm đám như vậy. Dân Cà Mau sống như bầu bạn. Đi hết cái đất này cũng không thấy cây nào đứng một mình, chúng đứng bên nhau, thò tay nắm lấy đất, dòng gió cỡ nào cũng không nhỏ đước chúng” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Với hình ảnh này, Nguyễn Thị Việt Hà chẳng những tái hiện hệ sinh thái rừng ngập mặn mà còn phản ánh vấn nạn phá rừng, sự biến đổi của tự nhiên, mất cân bằng sinh thái. Hay hình ảnh cái bến sông trong truyện ngắn *Bến nước xóm Xèo Sâu* - một hình ảnh gần gũi, thân quen ở những miền quê sông nước. Trong truyện ngắn này, Nguyễn Thị Việt Hà tả ít nhưng gợi nhiều, cái hồn của vùng nông thôn Tây Nam Bộ dường như man mác xuyên suốt câu chuyện: “Giờ má mất rồi, cái bến sông cũng lấp. Có đường lộ cái xóm Xèo Sâu bớt cũ hơn tí đỉnh bởi có mấy cái quán rượu để ôm, chộn rộn om sòm”, “Riêng bé Hai vẫn cũ, thấy ngày nào cũng giống hệt nhau chớ có gì khác đâu. Chỉ khác hồi đó buồn còn biết dòm ra bến sông nhờ lục bình trôi mang đi bớt để cái buồn còn lạt nhách trong lòng” (Nguyễn Thị Việt Hà, 2014). Mặc dù đô thị hóa tạo điều kiện để nông thôn phát triển nhưng ít nhiều đã gợi lại nỗi buồn trong lòng người, nhất là những người đã từng gắn bó sâu đậm với phong cảnh hoang sơ, bình dị. Rõ ràng, Nguyễn Thị Việt Hà

đã thổi hồn sông nước, hồn nông thôn vào trong từng cảnh sắc, gắn thiên nhiên với tâm trạng của nhân vật. Vì thế mà thiên nhiên hiện lên sống động, truyện ngắn của Nguyễn Thị Việt Hà dễ đi vào lòng người, khiến độc giả thêm yêu mến vùng sông nước Tây Nam Bộ và những vùng miền khác trên khắp đất nước.

Phong cách văn xuôi của Nguyễn Thị Việt Hà vô cùng nữ tính khi bàn về vấn đề sinh thái. Nhà văn không tố cáo gay gắt, phản ánh mạnh bạo sự ô nhiễm môi trường, không để cho nhân vật căm phẫn, thù hằn trước những kẻ phá hoại, làm biến dạng môi trường tự nhiên. Chiều sâu những câu văn mang tính phản ánh là tấm lòng bao dung, trái tim yêu thương và niềm hi vọng mãnh liệt của nữ nhà văn về một ngày môi trường sẽ thay đổi theo chiều hướng tích cực.

3. Kết luận

Môi trường sinh thái đang là một vấn đề nóng rát, được nhân loại đặt lên hàng đầu trong số những đối tượng đáng quan tâm. Các nhà văn cũng nhận thức rõ điều đó và nỗ lực lồng ghép vấn đề sinh thái vào

tác phẩm nghệ thuật. Từ đó, thông qua những hình tượng nghệ thuật, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật,... nhà văn đã gửi gắm thông điệp bảo vệ môi trường, cứu lấy Trái Đất. Rõ ràng, trước vấn đề môi trường, văn chương không đứng ngoài cuộc mà “xông pha” vào trận chiến với khát vọng thay đổi thế giới, đánh thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của con người, tác động vào nhận thức của con người để con người sống tốt hơn, ngưng những hành động tàn phá vào môi trường sinh thái.

Với yếu tố sinh thái, truyện ngắn Nguyễn Thị Việt Hà vì thế mà đến gần với người đọc và có ý nghĩa thực tiễn hơn. Nguyễn Thị Việt Hà đã hòa mình vào dòng người viết về vấn đề sinh thái trên văn đàn trong những năm gần đây. Nhà văn đã kịp thời phản ánh vấn đề môi trường, bày tỏ thái độ trước vấn nạn ô nhiễm Trái Đất và niềm tin sâu sắc vào sự đổi thay. Với những điều nói trên, Nguyễn Thị Việt Hà xứng đáng là nữ nhà văn tiêu biểu trong số các cây bút đồng bằng sông Cửu Long đã và đang khẳng định tên tuổi □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Thanh Truyền (2018), *Phê bình sinh thái Văn xuôi Nam Bộ*, NXB Văn hóa Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh
- James S. Hans, (1990), *The value(s) of literature*, SUNY Press, Albany.
- Nguyễn Ngọc Tư (2016), *Cánh đồng bất tận*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Tịnh Thy (2017), *Rừng khô, suối cạn, biển độc... và văn chương*, NXB Khoa học Xã hội, H.
- Nguyễn Thị Việt Hà (2014), *Bức thư tình thứ 901*, NXB Văn hóa Văn nghệ, TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Thị Việt Hà (2014), *Vẫn còn mưa ngoài hiên*, NXB Văn học, H.
- Nhiều tác giả (2018), *Giấc mơ trên những cánh rừng*, NXB Hội nhà văn, H.
- Trần Thị Ánh Nguyệt & Lê Lưu Oanh (2016), *Con người và tự nhiên trong văn xuôi Việt Nam sau năm 1975*, NXB Giáo dục Việt Nam, H.
- Vương Nặc (2010), *Kinh Á Bình, Trung Ngoại sinh thái văn học văn luận tuyển*, Đại học Xuất bản xã, Chiết Giang.